

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Thương mại số 446/2003/QĐ-BTM ngày 17/4/2003 về việc ban hành Quy chế khu bảo thuế tại Khu kinh tế cửa khẩu.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành./.

Bộ trưởng Bộ Thương mại

TRƯƠNG ĐÌNH TUYẾN

BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30/9/1992;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 26/12/1991 và một số điều sửa đổi, bổ sung thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 05/7/1993; số 04/1998/QH10 ngày 20/5/1998;

Căn cứ Luật Hải quan ngày 29/6/2001;

Căn cứ Quyết định số 53/2001/QĐ-TTg ngày 19/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ;

Trên cơ sở trao đổi thống nhất với Bộ Tài chính;

Thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ (Văn bản số 272/CP-KTTH ngày 08/3/2002),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế khu bảo thuế tại Khu kinh tế cửa khẩu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch

QUY CHẾ khu bảo thuế tại Khu kinh tế cửa khẩu

(ban hành kèm theo Quyết định số 446/2003/QĐ-BTM ngày 17/4/2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này điều chỉnh hoạt động của khu bảo thuế tại Khu kinh tế cửa khẩu (dưới đây gọi tắt là khu bảo thuế).

Điều 2. Khu bảo thuế là một khu vực cách biệt với các khu vực khác trong Khu kinh tế cửa khẩu, có đặt trạm hải quan để giám sát, kiểm tra hàng hóa ra vào và được áp dụng các ưu đãi về thuế theo quy định tại Chương II của Quy chế này.

Trong khu bảo thuế được áp dụng các loại hình kinh doanh sau: Xuất nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, vận chuyển hàng hóa quá cảnh, kho ngoại quan, cửa hàng miễn thuế, hội trợ triển lãm, các cửa hàng giới thiệu sản phẩm, các cơ sở sản xuất, gia công hàng xuất nhập khẩu, các chi nhánh đại

diện các công ty trong nước và ngoài nước, chợ cửa khẩu.

Điều 3. Việc thành lập khu bảo thuế do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có Khu kinh tế cửa khẩu ban hành quyết định sau khi thỏa thuận với Bộ Thương mại và Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan).

Điều 4. Thương nhân Việt Nam thuộc các thành phần kinh tế, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và chi nhánh công ty nước ngoài đăng ký hoạt động trong khu bảo thuế (sau đây gọi là thương nhân khu bảo thuế) phải tuân thủ Quy chế này và các quy định liên quan khác của pháp luật Việt Nam.

Điều 5. Hàng hóa, thiết bị, phương tiện vận tải, vật tư (gọi chung là hàng hóa), hành lý và ngoại hối từ nước ngoài đưa vào khu bảo thuế phải chịu sự giám sát, kiểm tra của hải quan theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Điều 6. Công dân Việt Nam và người nước ngoài không được cư trú trong khu bảo thuế.

Chương II

CÁC ƯU ĐÃI VỀ THUẾ

Điều 7. Hàng hóa từ nước ngoài đưa vào khu bảo thuế được miễn thuế nhập khẩu.

Điều 8. Hàng hóa từ nội địa Việt Nam đưa vào khu bảo thuế khi xuất khẩu ra nước ngoài và hàng hóa từ nước ngoài đưa vào khu bảo thuế khi nhập khẩu vào nội địa Việt Nam chịu sự điều chỉnh của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Điều 9. Hàng hóa sản xuất, gia công tái chế,

lắp ráp tại khu bảo thuế khi xuất khẩu ra nước ngoài được miễn thuế xuất khẩu.

Hàng hóa sản xuất, gia công tái chế, lắp ráp tại khu bảo thuế có sử dụng nguyên liệu, linh kiện của nước ngoài khi nhập khẩu vào nội địa Việt Nam chỉ phải nộp thuế nhập khẩu đối với phần nguyên liệu, linh kiện nước ngoài cấu thành trong sản phẩm hàng hóa đó.

Chương III

SẢN XUẤT GIA CÔNG, XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Điều 10. Thương nhân khu bảo thuế được kinh doanh xuất nhập khẩu theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 11. Hàng hóa gia công, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh qua khu bảo thuế phải tuân thủ theo các quy định hiện hành.

Hàng hóa quá cảnh khu bảo thuế vào nội địa Việt Nam để chuyển sang nước thứ ba thực hiện theo pháp luật Việt Nam về quá cảnh hàng hóa.

Điều 12. Việc mua bán hàng hóa, dịch vụ trong khu bảo thuế phải tuân thủ các quy định hiện hành về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, kinh doanh có điều kiện và hạn chế kinh doanh.

Chương IV

TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 13. Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa ra vào khu bảo thuế.

Điều 14. Ủy ban nhân dân tỉnh có khu bảo

thuế thông qua Ban quản lý Khu kinh tế cửa khẩu xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng khu bảo thuế và thực hiện việc quản lý tập trung thống nhất tại khu bảo thuế.

Điều 15. Ban quản lý Khu kinh tế cửa khẩu có trách nhiệm:

1. Xây dựng quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng khu bảo thuế trình Ủy ban nhân dân tỉnh duyệt.

2. Dựa trên những quy định nêu trong bản Quy chế này, xây dựng Điều lệ cụ thể về việc quản lý khu bảo thuế trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Tổ chức quản lý hành chính và giải quyết các tranh chấp dân sự ở khu bảo thuế.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Những quy định khác liên quan đến hoạt động của khu bảo thuế không quy định trong Quy chế này được thực hiện theo các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan của Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia./.